

Bản án số: 632/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Công Nhân

Bà Võ Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 808/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Kiến Q**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Số E Đường số G, khu dân cư T, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Mai Ngọc H**, sinh năm 1977 - Luật sư Văn phòng Luật sư **Mai Ngọc H** thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; (có mặt).

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Hồng G**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Số E Đường số G, khu dân cư T, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2022; các tài liệu, chứng cứ chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trịnh Kiến Q** xác định yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ông **Trịnh Kiến Q** và bà **Vũ Thị Hồng G** tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại căn nhà số E Đường số G (Số cũ: 14 Lô C) khu dân cư T, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, sau khi sinh con vào năm 2004 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng đã chia phòng ngủ riêng và sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà **G** không có đóng góp, không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hoà giải, hàn gắn tình cảm được. Tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục cuộc sống chung, do vậy ông **Q** nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ vợ chồng: Yêu cầu được ly hôn với bà **Vũ Thị Hồng G**.

Về con chung: Có 01 con chung là **Trịnh Gia M** (Giới tính: Nữ), sinh ngày 18/9/2004 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1225-258, Tờ bản đồ số 6 (Phường T), diện tích 90m², địa chỉ: Số E Đường số G, khu Đ (Số cũ: 14 Lô C, Khu Đ), Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01739/2007 do Ủy ban Nhân dân Quận G1 cấp ngày 30/8/2007).

+ Quyền sử dụng đất và nhà thuộc thửa đất số 1225-257, Tờ bản đồ số 6, diện tích 90m², địa chỉ: Số E Đường số G, khu Đ, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W734291, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00311QSDĐ/09QDH2003 do Ủy ban Nhân dân Quận G1 cấp ngày 22/12/2003).

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1225-723, Tờ bản đồ số 6, diện tích 132m², địa chỉ: Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 409264, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 700153/1a do Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 26/04/2006).

Về nợ chung: Ông **Trịnh Kiến Q** xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Giữa ông **Q** và bà **G** đến nay không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống, chỉ vì con nên ông **Q** ở chung nhà với bà **G**, thực tế vợ chồng đã không còn có bữa cơm gia đình từ rất lâu. Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông **Q** được ly hôn với bà **G**. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng, hai bên tự thoả thuận giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà **Vũ Thị Hồng G** trình bày:*

Bà G và ông Trịnh Kiến Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 đúng như ông Q trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ phía ông Q, không còn muốn ăn cơm do bà G nấu, hay chê bai, ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn trong bất cứ việc gì, kể cả trong vấn đề nuôi dạy con chung. Bà G xác định vẫn còn tình cảm, yêu thương chồng, vợ chồng không sống ly thân. Vì vậy với yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà G có ý kiến:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Q yêu cầu ly hôn, bà G không đồng ý.

Về con chung: Ông Q và bà G có 01 con chung họ tên: Trịnh Gia M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 18/9/2004 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án do bà G không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa ông Q rút yêu cầu chia tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, bà G đồng ý.

Về nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Q yêu cầu ly hôn, bà G không đồng ý và trình bày tình cảm vợ chồng vẫn còn, không sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, hàn gắn cho hai bên rất nhiều lần nhưng không có kết quả, đồng thời Tòa án cũng tạo điều kiện để hai bên tự hàn gắn đoàn tụ, nhưng bà G cũng không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn vợ chồng. Giữa ông Q và bà G đã tuy chung nhà nhưng chia phòng ở riêng từ năm 2015 đến nay, không còn đúng nghĩa là vợ chồng. Hai bên có một người con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận, vợ chồng không có nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, bị đơn đang cư trú tại Quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Kiến Q và bà Vũ Thị Hồng G tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn trình bày cuộc sống hôn nhân hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2004 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng đã chia phòng ngủ riêng và sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Ông Q xác định tình cảm đã hết, kiên quyết ly hôn. Bị đơn trình bày vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, ngoài ra không còn mâu thuẫn trong bất cứ việc gì, bà G không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Q và bà G đến nay không cùng quan điểm trong cuộc sống, không còn có tiếng nói chung, bà G trình bày giữa hai bên tình cảm vẫn còn, vợ chồng không sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần hoà giải và tạo điều kiện, thời gian để hai bên tự hoà giải, hàn gắn tình cảm, vợ chồng về đoàn tụ, nhưng sau thời gian hoà giải, mỗi bên vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại Tòa án là ông Q kiên quyết ly hôn, bà G không đồng ý ly hôn. Phía bà G cũng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Q và bà G có một người con chung đã trưởng thành và đã ở riêng.

[4] Xét hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ hai phía, ông Q và bà G chung sống đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống khác biệt, ở chung nhà nhưng việc ai người nấy làm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vì vậy nếu có duy trì cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai, nên với yêu cầu của ông Q là được ly hôn với bà G, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông Trịnh Kiến Q và bà Vũ Thị Hồng G có một người con chung họ tên: Trịnh Gia M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 18/9/2004, đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên toà ông Q xác định rút yêu cầu chia tài sản chung theo như Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/8/2023, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[7] Về nợ chung: Hai bên đương sự trình bày không có nợ chung nên không xét.

[8] Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 219, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trịnh Kiến Q** được ly hôn với bà **Vũ Thị Hồng G** (Giấy chứng nhận kết hôn số 00136, quyền số 01/2003 đăng ký ngày 28/8/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về con chung: Ông **Trịnh Kiến Q** và bà **Vũ Thị Hồng G** có một người con chung họ tên: **Trịnh Gia M** (Giới tính: Nữ), sinh ngày 18/9/2004 (Đã trưởng thành).

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

6. Án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Ông **Trịnh Kiến Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015302 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Q** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trả lại cho ông **Trịnh Kiến Q** 58.780.000 (Năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015301 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)